TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 24/4/2018
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Em**
Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**
Bà **Võ Thị Thu Thúy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 và ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2018, về tranh chấp "Xin ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 590/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện CT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị M1**, sinh năm 1970; (có mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.
Tạm trú: ấp TH, xã TP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn M2**, sinh năm 1963; (có mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh M2: Luật sư **Lê Văn T**, Văn phòng luật sư Lê Văn T – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt)
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Ông **Phạm Văn M3**, sinh năm 1930 (có đơn xin vắng mặt);
Anh **Nguyễn Hữu T** – sinh năm 1968 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.
- *Người kháng cáo:* Bị đơn **Phạm Văn M.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm:

** Nguyên đơn chị Huỳnh Thị M1 trình bày:* Chị và anh M2 cưới nhau năm 1989, có đăng ký kết hôn năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Chị và anh M2 chung sống hạnh phúc đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẩn về tiền nên thường gây gỗ, cãi nhau và anh M2 đánh chị. Khi sống

chung thì thu nhập có được từ làm ruộng, làm rẫy và tiền chị đi làm thuê do anh M2 giữ. Chị và anh M2 có một con chung tên Phạm Thị Mộng T - sinh năm 1994 đã trưởng thành. Tài sản chung của chị và anh M2 gồm:

- Tiền Việt Nam 45.000.000 đồng; 05 chỉ vàng 24K hiệu Kim Châu gồm 01 nhẫn trọng lượng 02 chỉ; 01 nhẫn trọng lượng 03 chỉ có giá tạm tính là 3.000.000 đồng/chỉ.

- Vật dụng sinh hoạt: 01 tủ ly thao lao; 01 tủ áo thao lao; 01 bộ salon cây tạp; 01 bàn tròn mặt đá mài; 10 ghế cây tạp; 01 li quăng 03 mặt ghép; 01 cái giường tàu; 01 cái giường hộp cây ván ép; 01 máy bơm nước Kole; 01 mô tơ bơm nước; 01 ti vi 14inchs; 01 đầu đĩa và 02 loa; 01 tủ lạnh hiệu Shap anh M2 đã bán, chị thống nhất giá anh M2 nêu là 2.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha loại Sirius màu đỏ đen biển số 63B3-003.25 do anh M2 đứng tên giấy đăng ký xe mô tô, xe máy.

Tiền, vàng và tài sản nêu trên do anh M2 quản lý, sử dụng. Do là vợ chồng chị không có giấy tờ chứng minh anh M2 đang giữ tiền và vàng. Ngoài ra, tài sản chung còn có 01 bàn tròn và 10 ghế bằng inox mua giá 1.800.000 đồng không có chứng từ do anh M2 quản lý nhưng khi thẩm định không có tài sản này.

- Đất tọa lạc tại ấp A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh M2 đứng tên gồm: thửa 2542, tờ bản đồ số 1 có diện tích 760m^2, thực đo là 500,07m^2, loại đất TQ; thửa 2542, tờ bản đồ số 1 có diện tích 2.100m^2, thực đo là 2.062,92m^2, loại đất lúa.

- Nguồn gốc đất, chị và anh M2 cưới nhau năm 1989 chị sống với gia đình bên chồng. Năm 1990, cha chồng tên Phạm Văn M3 cho chị và anh M2 đất tại ấp A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang thuộc thửa số 2542, tờ bản đồ số 1 diện tích 760m^2, thực đo là 500,7m^2, loại đất TQ để ra ở riêng và vợ chồng chị cất nhà. Ngoài ra, cha chồng chị còn cho chị và anh M2 1.000m^2 đất lúa thuộc thửa số 1037, tờ bản đồ số 1 được xẻ dọc có tứ cận giáp với Nguyễn Văn Đ. Khi cho đất không có làm giấy tờ, không ai chứng kiến. Đất còn lại của thửa này có diện tích thực đo 1.062,9m^2, ông M3 cho vợ chồng chị thuê và bán cho vợ chồng chị sau hai năm giá 11 chỉ vàng 24K. Vợ chồng chị và ông M3 không có làm giấy tờ, chỉ thỏa thuận miệng, không ai chứng kiến.

- Nhà ở gồm: nhà chính, nhà phụ liên kế, nhà tắm, sân xi măng được xây dựng trên đất tọa lạc tại ấp A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang thuộc thửa số 2542, tờ bản đồ số 1 và cây trái trên đất gồm: cây dừa, vú sữa, mận, mít. Đối với cây hạnh, đu đủ, tầm vong là cây ngắn ngày chị không tranh chấp.

Chia tài sản khi ly hôn, chị yêu cầu chia đôi và được nhận ½ giá trị theo giá Hội đồng định giá đối với tài sản: vật dụng sinh hoạt, 900.000 đồng của ½ giá trị của 01 bàn tròn + 10 ghế bằng inox, 01 xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha loại Sirius màu đỏ đen biển số 63B3-003.25, tiền, vàng, cây trái, nhà chính, nhà phụ liên kế với giá đã định là 22.509.000 đồng, sân xi măng và nhà tắm. Về đất chị yêu cầu được trọn quyền sử dụng đất thuộc thửa 1037, tờ bản đồ số 1 diện tích 2.100m^2, thực đo là 2.062,9m^2. Anh M2 trọn quyền sử dụng đất thuộc thửa 2542, tờ bản đồ số 1 diện tích 760m^2, thực đo là 500,7m^2, loại đất TQ. Chị và anh M2 không nợ ai. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị yêu cầu được trọn quyền sử

dụng đất thuộc thửa 1037, tờ bản đồ số 1 diện tích 2.100m^2, thực đo 2.062,9m^2. Anh M2 được sở hữu tiền, vàng, vật dụng sinh hoạt, xem mô tô Yamaha loại Sirius biển số 63B-003.25, nhà ở, cây trái và trọn quyền sử dụng đất thuộc thửa 2542, tờ bản đồ số 1 diện tích 760m^2, thực đo là 500,7m^{2,} loại đất TQ. Nếu đất chị nhận có giá trị thấp hơn so với phần được chia, chị không yêu cầu anh M2 thanh toán cho chị phần chênh lệch.

* *Bị đơn anh Phạm Văn M2 trình bày:* anh và chị M1 đăng ký kết hôn và cưới nhau năm 1990, chứ không phải năm 1989. Anh và chị M1 sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn trong việc hôn nhân của con chung. Nguyên nhân, cháu Mộng T chưa đủ 16 tuổi, chị M1 có ý gả cháu nên anh không đồng ý. Sau đó, cháu T có đám hỏi với người khác nhưng chị M1 có ý muốn hồi không muốn gả cháu T nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Ngoài ra, anh thấy chị M1 gọi điện thoại cho người đàn ông khác thì anh đập điện thoại, có đánh chị M1 nên chị M1 bỏ đi sống ly thân với anh từ năm 2012. Anh có ý hàn gắn với chị M1 duy trì hôn nhân nhưng chị M1 không đồng ý nên anh thuận tình ly hôn với chị M1. Anh và chị M1 có 01 con chung tên Phạm Thị Mộng T, sinh năm 1994 đã trưởng thành. Anh và chị M1 không nợ ai.

Về tài sản chung anh thống nhất gồm: + Vật dụng sinh hoạt: 01 tủ ly thao lao, 01 tủ áo thao lao; 01 bộ salon cây tạp; 01 bàn tròn mặt đá mài; 10 ghế cây tạp; 01 li văn 3 mặt ghép; 01 cái giường tàu; 01 cái giường hộp cây ván ép; 01 máy bơm nước Kole; 01 mô tơ bơm nước; 01 ti vi 14 inchs; 01 đầu đĩa và 02 loa; 01 tủ lạnh hiệu Sharp anh đã bán nhưng thống nhất giá là 2.000.000 đồng.

+ 01 xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha loại Sirius màu đỏ đen biển số 63B3003.25 do anh đứng tên giấy đăng ký mô tô, xe máy.

+ Nhà ở gồm nhà chính, nhà phụ liên kế, nhà tắm, sân xi măng được xây dựng trên phần đất TQ tọa lạc tại ấp A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang thuộc thửa 2542, tờ bản đồ số 1 và cây trên đất gồm dừa, vú sữa, mận, mít.

+ 1.000m^2 đất lúa được xẻ dọc có tứ cận giáp với ông Nguyễn Văn Đ tọa lạc tại ấp A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang thuộc thửa 1037, tờ bản đồ số 1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh M2 đứng tên. Nguồn gốc đất do cha của anh là ông M3 canh tác, khi ông M3 canh tác không nổi mới bán lại cho vợ chồng anh. Toàn bộ tài sản nêu trên do anh quản lý, sử dụng. Đối với 01 bàn tròn và 10 ghế bằng inox không có.

Riêng đất tọa lạc tại ấp A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh M2 đứng tên gồm: đất thửa 2542, tờ bản đồ số 1, diện tích 760m^2, thực đo là 500.7m^{2,}, loại đất TQ và 1.062,9m^2 đất lúa còn lại được xẻ dọc có tứ cận giáp với ông Nguyễn Văn T thuộc thửa 1037, tờ bản đồ số 1 là tài sản riêng của anh, anh được cha của anh tên Phạm Văn M3 cho anh trước khi cưới chị M1. Khi anh M2 nhận đất TQ thửa 2542, tờ bản đồ số 1 canh tác đã mua cây dừa đặt.

Chia tài sản khi ly hôn, anh thống nhất chia đôi, anh xin sở hữu: vật dụng sinh hoạt, 01 xe mô tô 2 bánh Yamaha loại Sirius màu đỏ đen biển số 63B3 – 003.25, nhà ở được xây cất trên đất tọa lạc tại ấp A, xã LH, huyện CT, Tiền Giang thuộc thửa 2542, tờ bản đồ số 1 gồm nhà chính, nhà phụ liên kế với giá sau hư hỏng là 8.368.920 đồng, nhà tắm, sân xi măng và cây trái trên đất gồm

dừa, vú sữa, mận, mít. Giao cho chị M1 trọn quyền sử dụng 1.000m^2 đất lúa được xẻ dọc có tứ cận giáp với ông Nguyễn Văn Đ tọa lạc tại ấp A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang thuộc thửa 1037, tờ bản đồ số 1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh đứng tên. Đối với 01 tủ lạnh hiệu Sharp anh bán, anh thống nhất giá trị là 2.000.000 đồng nên đồng ý chia cho chị M1 1.000.000 đồng. chia cho chị M1 1.000m^2 đất ruộng của vợ chồng mua.

Tài sản nếu ai nhận có giá trị lớn hơn so với phần mình được hưởng thì thanh toán cho bên kia phần chênh lệch.

Về tiền Việt Nam 45.000.000 đồng, 05 chỉ vàng 24k hiệu Kim Châu, 01 bàn tròn và 10 ghế bằng inox không có, không chia.

** Tại bản tự khai ngày 13/11/2015, ngày 20/01/2016, ngày 09/5/2017 của ông M3 và bản tự khai ngày 20/01/2016, ngày 09/5/2017 của anh T thể hiện*: ông M3 sử dụng đất lúa, đất thổ quả (TQ) toạc lại tại ấp A, xã LH, huyện CT, Tiền Giang thuộc thửa 2542, tờ bản đồ số 1, diện tích 760m^2, thực đo là 500,7m^2 và thửa 1037, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.100m^2, thực đo là 2.062,9m^2 nhưng chưa đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1989, ông cho riêng con trai của ông là anh M2 một phần đất lúa diện tích 1.100m^2, thực đo là 1.062,9m^2 và phần đất để con ông trực tiếp canh tác. Khi cho, ông nói miệng, không có đo đạc. Năm 1990, anh M2 kết hôn với chị M1, sau khi kết hôn vợ chồng anh M2 có mua thêm của ông một phần đất lúa diện tích 1.000m^2 vào năm 1992 là đất tiếp giáp phần đất lúa diện tích 1.100m^2, thực đo là 1.062,9m^2 mà ông đã cho riêng anh M2. Đến năm 1997, anh M2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất ông cho riêng anh M2 trước khi kết hôn và phần đất vợ chồng anh M2 mua của ông sau khi kết hôn. Đối với cây dừa đã lớn có trên phần đất TQ thửa 2542, tờ bản đồ số 1 do ông trồng trước khi cho đất anh M2, còn cây dừa nhỏ do con ông trồng sau khi ông cho đất. Ông không có yêu cầu gì về phần đất nêu trên và ông có đơn xin từ chối đối chất. Anh T cho rằng, phần đất lúa khoảng 2 công cấp giấy cho anh M2 đứng tên, anh M2 cho anh thuê trồng rẫy, thời hạn thuê từ tháng 4/2015 đến tháng 4/2016 hết hạn thuê, giá thuê 2.000.000 đồng/1 công. Khi anh thuê đất là đất ruộng, anh lên mô trồng rau. Hai bên thỏa thuận sau khi hết hạn thuê anh sẽ trả đất lại như hiện trạng. Trên phần đất thuê, anh có làm hệ thống tưới nước được lắp nổi trên đất nên di dời được với 98 cái vòi tưới. Nhưng chị M1 và anh M2 tranh chấp liên quan đến phần đất anh thuê nên anh đã trả lại đất cho anh M2 quản lý từ năm 2016. Việc cho thuê đất và thuê đất nêu trên đã thỏa thuận giải quyết xong, anh không yêu cầu gì và không liên quan vụ án.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 590/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Áp dụng khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/02/2009.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị M1.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị M1 và anh Phạm Văn M2.

- Về con chung: Chị M1, anh M2 có một con chung là cháu Phạm Thị Mộng T sinh năm 1994 đã thành niên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung:

+ Chia cho chị Huỳnh Thị M1 được trọn quyền sử dụng một phần đất có diện tích 1.000m^2 tọa lạc tại ấp A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang thuộc thửa 1037, tờ bản đồ số 1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 0015187 ngày 24/5/1997 cho anh M2 đứng tên. Đất có tứ cận: Đông giáp ranh xã Long Hưng – Thạnh Phú, Tây giáp đường đất, Nam giáp Nguyên Văn Đ và Bắc giáp Phạm Văn M2.

+ Chia cho anh Phạm Văn M2 được trọn quyền sở hữu: Một căn nhà số 92 được xây dựng trên phần đất thổ quả (TQ) tọa lạc tại tổ 3, ấp A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang thuộc thửa 2542, tờ bản đồ số 1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 0015187 ngày 24/5/1997 do anh M2 đứng tên bao gồm: Nhà chính diện tích 86.6m^2 có kết cấu cột bê tông cốt thép, đỡ mái gỗ, mái tole xi măng, vách tường, nền gạch men; Nhà phụ liên kế có diện tích 36,9m^2 có kết cấu cột bê tông đúc sẵn, đỡ mái cây tạp, mái tole xi măng, 01 vách tole có phần phụ hư, nền xi măng; Nhà tắm diện tích 3.74m^2 có kết cấu cột gạch vách tường, nền gạch men, mái tole xi măng; Sân xi măng diện tích 72.19m^2 và cây trái trên đất gồm 15 cây dừa các loại, 01 cây vú sữa, 01 cây mận, 01 cây mít. Vật dụng sinh hoạt gồm: 01 tủ ly cây thao lao; 01 tủ áo cây thao lao + gõ; 01 bộ salon cây tạp; 01 bàn tròn mặt đá mài; 10 ghế đẩu cây tạp; 01 li văng 3 mặt ghép; 01 cái giường tàu; 01 cái giường hộp cây ván ép; 01 máy bơm nước hiệu KoLe; 01 mô tơ bơm nước ¼ HP; 01 ti vi hiệu Samsung 14 inch; 01 đầu đĩa và 02 loa; 01 tủ lạnh hiệu Sharp anh M2 đã bán. Một xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha loại Sirius màu đỏ đen biển số 63B3 – 003.25 do anh M2 đứng tên Giấy đăng ký mô tô, xe máy.

+ Anh M2 thanh toán cho chị M1 giá trị tài sản chênh lệch là 38.009.157 đồng và hoàn cho chị M1 một phần công sức đóng góp là 53.689.333 đồng. Tổng cộng là 91.698.490 đồng.

+ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền theo nội dung Quyết định này thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng và thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

+ Về nợ chung: không có.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/11/2017 bị đơn Phạm Văn M2 kháng cáo một phần bản án số: 590/2017/HNGĐ-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xử phúc thẩm lại, không tính công sức đóng góp của chị Huỳnh Thị M1 vào việc quản lý, duy trì và phát triển khối tài sản riêng của anh M2.

Tại phiên tòa, anh M2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xử phúc thẩm lại, không tính công sức đóng góp của chị Huỳnh Thị M1 vào việc quản lý, duy trì và phát triển khối tài sản riêng của anh M2.

Chị M1 không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh M2 và chị yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho anh M2 cho rằng tài sản riêng của anh M2 gồm diện tích đất thuộc thửa 2542, tờ bản đồ số 1, diện tích 760m^2, thực đo là 500,7m^2 và một phần thửa 1037, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.100m^2, thực đo là 1.062,9m^2 tòa án cấp sơ thẩm chia 1/3 công sức đóng góp cho chị M1 là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M2, sửa bản án số: 590/2017/HNGĐ-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Tài sản chung chị M1 và anh M2 thống nhất Tòa án cấp sơ thẩm chia đôi là có cơ sở. Riêng diện tích đất thuộc thửa 2542, tờ bản đồ số 1, diện tích 760m^2, thực đo là 500,7m^2 và một phần thửa 1037, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.100m^2, thực đo là 1.062,9m^2 là tài sản riêng của anh M2 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chia cho chị M1 1/3 giá trị tài sản tính công sức đóng góp của chị M1 là không phù hợp khoản 1 Điều 62 Luật hôn nhân gia đình nên yêu cầu kháng cáo của anh M2 là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 590/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của anh Phạm Văn M2 nộp ghi ngày 13/11/2017 (BL 183) còn trong thời hạn luật định và hợp lệ đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn M3 có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với ông M3; anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh T.

[3] Nội dung vụ án:

3.1 Về tình cảm: Chị và anh M2 cưới nhau năm 1989, có đăng ký kết hôn năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Chị và anh

M2 chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẩn anh chị sống ly thân đến nay, chị M1 xin ly hôn và anh M2 đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận thuận tình ly hôn giữa chị M1 và anh M2 là phù hợp Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

3.2 Về con chung: Chị M1 và anh M2 có một con chung tên Phạm Thị Mộng T - sinh năm 1994 đã trưởng thành.

3.3 Về tài sản chung: Chi M1 và anh M2 khai thống nhất: Vật dụng sinh hoạt: 01 tủ ly thao lao, 01 tủ áo thao lao; 01 bộ salon cây tạp; 01 bàn tròn mặt đá mài; 10 ghế cây tạp; 01 li văng 3 mặt ghép; 01 cái giường tàu; 01 cái giường hộp cây ván ép; 01 máy bơm nước Kole; 01 mô tơ bơm nước; 01 ti vi 14 inchs; 01 đầu đĩa và 02 loa; 01 tủ lạnh hiệu Sharp anh đã bán nhưng thống nhất giá là 2.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha loại Sirius màu đỏ đen biển số 63B3003.25 do anh đứng tên giấy đăng ký mô tô, xe máy.

- Nhà ở gồm nhà chính, nhà phụ liên kế, nhà tắm, sân xi măng được xây dựng trên phần đất TQ tọa lạc tại ấp A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang thuộc thửa 2542, tờ bản đồ số 1 và cây trên đất gồm dừa, vú sữa, mận, mít. 1.000m^2 đất lúa được xẻ dọc có tứ cận giáp với ông Nguyễn Văn Đ tọa lạc tại ấp A, xã LH, huyện C T, tỉnh Tiền Giang thuộc thửa 1037, tờ bản đồ số 1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh M2 đứng tên. Tòa án cấp sơ thẩm chia đôi anh M2 được quản lý sở hữu nhà, các tài sản trong nhà và chiếc xe mô tô, chị M1 quản lý sử dụng 1.000m^2 đất ruộng và anh M2 hoàn giá trị tài sản chênh lệch cho chị M1 số tiền 38.009.157 đồng là có căn cứ.

- Đối với phần đất tọa lạc tại ấp A, xã Long Hưng, huyện CT, tỉnh Tiền Giang đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh M2 đứng tên gồm: đất thửa 2542, tờ bản đồ số 1, diện tích 760m^2, thực đo là 500.7m^2 loại đất TQ và 1.062,9m^2 đất lúa còn lại được xẻ dọc có tứ cận giáp với ông Nguyễn Văn T thuộc thửa 1037, tờ bản đồ số 1 thì anh M2 cho rằng đây là tài sản riêng của anh được cha là ông Phạm Văn M3 cho anh trước khi cưới chị M1. Chị M1 cũng thừa nhận tại bản khai ngày 20/01/2016 (BL13) Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản riêng của anh M2 là phù hợp khoản 1 Điều 62 Luật hôn và nhân gia đình. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chia cho chị M1 1/3 giá trị quyền sử dụng đất cho chị M1 trị giá là 53.689.333 đồng cho rằng anh M2, chị M1 xác lập hôn nhân gia đình trên 20 năm có sự đóng góp của chị M1 vào việc quản lý, duy trì phát triển đối với phần đất này. Anh M2 kháng cáo không đồng ý chia cho chị M1 1/3 giá trị tài sản riêng của anh.

- Hội đồng xét xử xét thấy đối với phần đất cây lâu năm có diện tích thực tế 500,7m^2 anh M2 và chị M1 sử dụng cất nhà ở có trồng cây lâu năm, trong khối tài sản chung của anh M2 chị M1 có xem xét công sức đóng góp của chị M1 trồng cây trên đất trị giá 14.180.000 đồng, chị M1 cũng đã được chia ½ giá trị cây trồng trên phần đất này. Đối với phần đất ruộng có diện tích thực tế 1.062,9m^2, xét thấy từ khi ông M3 cho anh M2 là đất ruộng đến nay cũng là đất ruộng, anh M2 là người trực tiếp quản lý sử dụng, chị M1và anh M2 ly thân từ năm 2012 đến nay chị không còn quản lý và cũng không có duy trì phát triển làm tăng giá trị đối với phần đất này nên Tòa án cấp sơ thẩm chia cho chị M1

1/3 giá trị hai phần đất trên là không phù hợp khoản 1 Điều 62 Luật hôn và nhân gia đình.

Từ những phân tích trên yêu cầu kháng cáo của anh M2 là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 590/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT.

- Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

-Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền là lợi ích cho bị đơn là phù hợp nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh M2 được chấp nhận nên anh M2 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 228, Điều 273, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Áp dụng khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/02/2009.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn M2.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 590/2017/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị M1.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị M1 và anh Phạm Văn M2.

- Về con chung: Chị M1, anh M2 có một con chung là cháu Phạm Thị Mộng T sinh năm 1994 đã thành niên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung:

+ Chia cho chị Huỳnh Thị M1 được trọn quyền sử dụng một phần đất có diện tích 1.000m^2 tọa lạc tại ấp A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang thuộc thửa 1037, tờ bản đồ số 1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 0015187 ngày 24/5/1997 cho anh M2 đứng tên. Đất có tứ cận: Đông giáp ranh xã LH – Thạnh Phú, Tây giáp đường đất, Nam giáp Nguyên Văn Đ và Bắc giáp Phạm Văn M2, (có phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất đính kèm)

+ Chia cho anh Phạm Văn M2 được trọn quyền sở hữu: Một căn nhà số 92 được xây dựng trên phần đất thổ quả (TQ) tọa lạc tại tổ 3, ấp A, xã Long Hưng, huyện CT, tỉnh Tiền Giang thuộc thửa 2542, tờ bản đồ số 1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 0015187 ngày 24/5/1997 do anh M2

đứng tên bao gồm: Nhà chính diện tích 86.6m^2 có kết cấu cột bê tông cốt thép, đỡ mái gỗ, mái tole xi măng, vách tường, nền gạch men; Nhà phụ liên kế có diện tích 36,9m^2 có kết cấu cột bê tông đúc sẵn, đỡ mái cây tạp, mái tole xi măng, 01 vách tole có phần phụ hư, nền xi măng; Nhà tắm diện tích 3.74m^2 có kết cấu cột gạch vách tường, nền gạch men, mái tole xi măng; Sân xi măng diện tích 72.19m^2 và cây trái trên đất gồm 15 cây dừa các loại, 01 cây vú sữa, 01 cây mận, 01 cây mít. Vật dụng sinh hoạt gồm: 01 tủ ly cây thao lao; 01 tủ áo cây thao lao + gõ; 01 bộ salon cây tạp; 01 bàn tròn mặt đá mài; 10 ghế đẩu cây tạp; 01 li văng 3 mặt ghép; 01 cái giường tàu; 01 cái giường hộp cây ván ép; 01 máy bơm nước hiệu KoLe; 01 mô tơ bơm nước ¼ HP; 01 ti vi hiệu Samsung 14 inch; 01 đầu đĩa và 02 loa; 01 tủ lạnh hiệu Sharp anh M2 đã bán. Một xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha loại Sirius màu đỏ đen biển số 63B3003.25 do anh M2 đứng tên Giấy đăng ký mô tô, xe máy.

+ Anh M2 thanh toán cho chị M1 giá trị tài sản chênh lệch là 38.009.157 đồng. Thời gian giao đất và tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Kể từ ngày chị M1có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh M2 chậm trả tiền theo nội dung Quyết định này thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng và thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền do các bên không có thỏa thuận nên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

+ Về nợ chung: không có.

+ Về án phí: + Chị M1 phải chịu án phí HNST là 200.000 đồng và tiền án phí DSST 5.900.457 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 5.762.500 đồng theo biên lai thu số 24034 và số 24035 ngày 04/11/2015 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị M1 còn phải nộp 337.957 đồng.

+ Anh M2 phải chịu án phí DSST là 5.900.457 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 26597 ngày 13/11/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh M2 còn phải nộp 5.700.457 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 8 giờ ngày 24/4/2018 có mặt các đương sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CT;
- CC THADS huyện CT;
- UBND xã PT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Em